

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2023/DS-PT

Ngày: 29-8-2023

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Diệu

Các thẩm phán: Bà Ngô Thị Trang

Ông Hàng Lâm Viên

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hải Thu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa:
Bà Huỳnh Thị Hồng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2023/TLPT-DS ngày 12 tháng 7 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 11/2023/DS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 55/2023/QĐ-PT ngày 15 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2023/QĐ-PT ngày 22 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP N.

Địa chỉ: Số A đường T, phường L, quận H, Thành Phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quang D - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị của Ngân hàng TMCP N.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Thành T - Chức vụ: Giám đốc

Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh N1 theo Giấy Ủy quyền số 828/UQ-VCB-PC ngày 20/10/2021 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP N.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Bà Nguyễn Nữ Huyền T1 – Chức vụ: Phó trưởng phòng Khách hàng – Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh N1 theo Giấy ủy quyền số: 900/UQ.VCB.NTH ngày 29/9/2022 của Giám đốc Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh N1 (có mặt).

Địa chỉ liên hệ: Số D Đường A, phường K, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

2. *Bị đơn:* Nguyễn Văn K, sinh năm: 1984 (có mặt).

Địa chỉ: Chung cư C, Khu phố C, phường M, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Trần Thị Bích T2 - Văn phòng L thuộc Đoàn luật sư tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố G, phường Đ, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

3. *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ kiện và tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Nguyễn Nữ Huyền T1 trình bày:

Ngày 11/4/2014, ông Nguyễn Văn K có ký Hợp đồng tín dụng số 0092/NTH/14CD/VCLI với Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh N1 (Viết tắt là Ngân hàng) vay số tiền 250.000.000 đồng (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*) để sử dụng vào mục đích cá nhân; thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu. Lãi suất cho vay trong hạn là lãi suất cho vay trung dài hạn cho cán bộ công nhân viên do Ngân hàng công bố theo từng thời kỳ. Lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn, được tính trên nợ gốc thực tế quá hạn và thời gian quá hạn. Thời hạn trả nợ gốc, nợ lãi là trả vào ngày 06 hàng tháng.

Thời điểm vay tiền của Ngân hàng, ông Nguyễn Văn K công tác tại Ban Q đã đồng ý ủy quyền cho Ngân hàng tự động trích tài khoản cá nhân của ông K theo số tài khoản 811000000220 mang tên Nguyễn Văn K tại Ngân hàng để thanh toán gốc, lãi, phí phát sinh đến hạn.

Ngân hàng và ông K có thỏa thuận trong hợp đồng trường hợp bên vay không có khả năng trả nợ đúng kỳ hạn và có nhu cầu xin điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ thì phải gửi giấy đề nghị điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, giấy gia hạn nợ tới

Ngân hàng trước ngày đến hạn trả nợ ít nhất 07 ngày làm việc. Nếu bên vay không gửi giấy đề nghị điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, giấy gia hạn nợ, Ngân hàng có quyền tự động chuyển toàn bộ số dư nợ gốc sang nợ quá hạn.

Sau khi vay, ông K đã thực hiện đúng như trong hợp đồng trả nợ hàng tháng cho Ngân hàng, tuy nhiên đến cuối năm 2014, ông K không còn thực hiện việc trả nợ theo đúng thời hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng, vì vậy tháng 10/2017, Ngân hàng đã khởi kiện ông K tại Tòa án nhân dân thành phố P, tuy nhiên sau đó ông K cam kết sẽ tiếp tục trả nợ đúng hạn nên đến tháng 3/2018, Ngân hàng đã rút toàn bộ đơn khởi kiện. Sau khi Ngân hàng rút đơn thì ông K tiếp tục trả được 05 kỳ với tổng số tiền là 40.960.373 đồng, lần trả tiền cuối cùng của ông K là vào tháng 02/2019.

Từ ngày 06/12/2018, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ nợ của ông K sang nợ quá hạn.

Trong thời gian ông K vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng đã nhiều lần gặp gỡ, làm việc với ông K để giải quyết việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ của ông K, cụ thể:

Ngân hàng đã gửi thông báo và làm việc với ông K theo các Thông báo nợ quá hạn số 668A/TB-NTH-PKH ngày 16/10/2019; số 297A/TB-NTH-PKH ngày 15/4/2020; số 825A/TB-NTH-PKH ngày 07/10/2021; Thông báo số 349/NTH-KH ngày 28/4/2022 (nhờ Cơ quan nơi ông K làm việc thông báo cho ông K) và các Biên bản làm việc ngày 24/5/2022, ngày 06/6/2022, ngày 24/6/2022. Tại các biên bản làm việc này, ông K đều tham gia và ký tên vào các biên bản này.

Tại thời điểm ký Hợp đồng tín dụng năm 2014, ông K đang làm việc tại Ban Q, địa chỉ: Đường A, Khu phố A, phường M, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận, đến năm 2017 Ban Q dời về địa chỉ: Đường L, Khu phố C, phường M, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận. Sau đó, ông K chuyển đến làm việc tại Nhà máy N2, địa chỉ: Xã V, huyện T, tỉnh Bình Thuận và thay đổi số điện thoại liên hệ nhưng không thông báo cho Ngân hàng về nơi làm việc mới cũng như mức lương, thu nhập mới. Ngoài ra, tại thời điểm ký Hợp đồng tín dụng, ông K nhận lương qua số tài khoản 0811000000220 mở tại Ngân hàng, đến tháng 11/2014, ông K không nhận lương qua số tài khoản này nữa.

Tính đến ngày 30/5/2023, ông K đã trả cho Ngân hàng được số tiền 313.297.956 đồng (Trong đó: số tiền gốc đã trả là 231.510.737 đồng, số tiền lãi đã

trả là 81.787.219 đồng); số tiền ông K còn nợ Ngân hàng chưa trả là 33.582.018 đồng, trong đó: Nợ gốc là 18.489.263 đồng; nợ lãi trong hạn là 10.327.399 đồng; nợ lãi quá hạn: 4.765.356 đồng.

Nay, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông K phải trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 30/5/2023 là 33.582.018 đồng và tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán với mức lãi suất theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 31/5/2023 cho đến khi trả xong nợ vay.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Ngân hàng tự nguyện giảm tiền lãi quá hạn số tiền 4.765.356 đồng cho ông K.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn K trình bày:

Ông xác định tháng 4/2014, ông có ký Hợp đồng tín dụng số 0092/NTH/14CD/VCLI với Ngân hàng TMCP N chi nhánh N1 để vay số tiền 250.000.000 đồng. Đến đầu năm 2019 (từ khoảng tháng 02 đến tháng 4), ông đã hoàn thành thanh toán toàn bộ khoản gốc, lãi vay cho Ngân hàng nhưng không còn lưu giữ các chứng từ liên quan đến khoản vay, đề nghị Ngân hàng cung cấp chứng từ thanh toán trực tiếp trả gốc và lãi.

Ngày 11/5/2022, ông nhận được văn bản thu hồi nợ quá hạn số 349/NTHKH ngày 28/4/2022 của Ngân hàng từ Nhà máy N2 - nơi ông làm việc qua mail, phần mềm quản lý công văn D-office, lịch tuần nội bộ. Ông đã chủ động liên hệ, đối soát khoản vay với Ngân hàng, tuy nhiên, quá trình làm việc Ngân hàng chỉ cung cấp cho ông Hợp đồng tín dụng, Giấy nhận nợ phô tô ngày 11/4/2014 (trong khi văn bản số 349/NTH-KH ngày 28/4/2022 thể hiện Giấy nhận nợ ngày 14/3/2011), sao kê tài khoản, không có chứng từ ông trả trực tiếp tại Ngân hàng theo Khoản 6.2.2 Điều 6 của Hợp đồng số 0092/NTH/14CD/VCLI.

Theo ông, Ngân hàng đã vi phạm về bảo mật thông tin khách hàng vì đã gửi đến toàn bộ Nhà máy - những đơn vị, cá nhân không có nghĩa vụ trả nợ, tiết lộ thông tin khách hàng. Đối lại Nhà máy N2 yêu cầu nhân viên mở tài khoản ngân hàng, thẻ ghi nợ của Ngân hàng. Hơn nữa, hiện nay Nhà máy N2 bị ông tố cáo những sai phạm của Nhà máy nên ông nghi ngờ có dấu hiệu phối hợp, giúp đỡ giữa Nhà máy và Ngân hàng để phân biệt đối xử với người tố cáo. Nội dung ông tố cáo Nhà máy đã được trả lời cho ông theo văn bản số 548/EVNKTTT ngày 28/01/2022 của Tập đoàn Đ. Ông không cung cấp nội dung tố cáo ở đây vì lý do bảo mật thông tin.

Từ năm 2017 đến tháng 11/2020, ông không thay đổi chỗ ở là chung cư CC1 và nơi làm việc tại Khu phố C, phường M. Việc Ban Q dời trụ sở từ đường A, Khu phố A, phường M về trụ sở mới ở đường L, khu phố C, phường M thì Ban Q có thông báo đến các đơn vị trong và ngoài tỉnh. Nên việc tiếp nhận các thông tin từ Ngân hàng và các đơn vị đến ông vẫn diễn ra bình thường không bị gián đoạn. (Năm 2018, ông vẫn nhận được thông báo nợ quá hạn của Ngân hàng). Từ tháng 12/2020 đến nay, ông không thay đổi chỗ ở, chỉ thay đổi vị trí làm việc sang Nhà máy N2 ở xã V, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Do đó, Ngân hàng nói không gửi được thông báo nợ quá hạn đến ông là không có cơ sở.

Ngân hàng ban hành 03 văn bản có số ký tự chèn 668A/TB-NTH-PKH ngày 16/10/2019, 207A/TB-NTH-PKH ngày 15/4/2020 và 825A/TB-NTH-PKH ngày 07/10/2021. Theo ông, những văn bản này trái với thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản theo quy định của Bộ Nội vụ, có dấu hiệu làm giả hồ sơ để hợp thức hóa sai phạm của Ngân hàng. Đề nghị cung cấp bằng chứng đã gửi qua bưu điện và bị trả về, cung cấp bằng chứng đã phát hành lấy số trên phần mềm quản lý công văn công việc của Ngân hàng, việc Ngân hàng cho rằng ghi nhầm số văn bản số 297A thành 207A là không có cơ sở.

Ông đã gửi đơn tố cáo Ngân hàng N chi nhánh N1 có nội dung là: có dấu hiệu giả mạo trong công tác, tiết lộ thông tin khách hàng đến cá nhân đơn vị không có nghĩa vụ trả nợ - có dấu hiệu vi phạm về bảo mật thông tin, câu kết giúp đỡ lẫn nhau với lãnh đạo Nhà máy N2 và Ngân hàng. Đơn tố cáo này ông gửi đến Ngân hàng N, hiện nay vẫn chưa nhận được câu trả lời.

Do đó, ông không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông K khẳng định ông đã trả hết các khoản vay của hợp đồng tín dụng số 0092/NTH/14CD/VCLI cho Ngân hàng và ông không đồng ý với việc Ngân hàng giám số tiền lãi quá hạn là 4.765.356 đồng cho ông.

Tại bản án sơ thẩm số 11/2023/DS-ST ngày 30/5/2023 của Tòa án nhân dân thành phố P đã quyết định:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP N.

Buộc ông Nguyễn Văn K phải trả cho Ngân hàng TMCP N số tiền là 33.582.018 đồng (*Ba mươi ba triệu, năm trăm tám mươi hai nghìn, không trăm mười tám đồng*). Trong đó: Nợ gốc là 18.489.263 đồng; nợ lãi trong hạn là 10.327.399 đồng, lãi quá hạn: 4.765.356 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ, án phí, quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 14/6/2023, ông K kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Ông xác định ông đã trả hết số tiền đã vay theo hợp đồng số 0092/NTH/14CD/VCLI cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông K đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm vì có những vi phạm về mặt thủ tục tố tụng, cụ thể: ông K cho rằng Ngân hàng đã làm giả các giấy tờ tài liệu số 668A/TB-NTH-PKH ngày 16/10/2019, 207A/TB-NTH-PKH ngày 15/4/2020, 297A/TB-NTH-PKH ngày 15/4/2020 và 825A/TB-NTH-PKH ngày 07/10/2021 và bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến thời điểm xét xử tại phiên tòa hôm nay.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn K. Áp dụng khoản 1 điều 308 BLTTDS, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 11/2023/DS-ST ngày 30/5/2023 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút kháng cáo nhưng thay đổi nội dung kháng cáo: Từ yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thành yêu cầu hủy bản án sơ

thẩm do có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng vì các giấy tờ, chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp là giấy tờ, chứng cứ giả và đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét thấy: Việc thay đổi nội dung kháng cáo của bị đơn không vượt quá nội dung kháng cáo ban đầu nên được chấp nhận.

[1.2] Ngày 21/8/2023, bị đơn có đơn yêu cầu luật sư Trần Thị Bích T2 tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn tại cấp phúc thẩm. Tại phiên tòa hôm nay, luật sư T2 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và bị đơn đồng ý xét xử vắng mặt luật sư T2. Xét, đây là sự tự nguyện của đương sự nên chấp nhận.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp của vụ án “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn K, nhận thấy:

[3.1] Về yêu cầu hủy bản án sơ thẩm: Ông K cho rằng các văn bản số 668A/TB-NTH-PKH ngày 16/10/2019, 207A/TB-NTH-PKH ngày 15/4/2020, 297A/TB-NTH-PKH ngày 15/4/2020 và 825A/TB-NTH-PKH ngày 07/10/2021 là giả vì các văn bản này đều có ký tự “A” là ký tự chèn văn bản và ông không nhận được các văn bản này. Đại diện nguyên đơn xác định các văn bản này đều do nguyên đơn phát hành, các văn bản số 668A/TB-NTH-PKH ngày 16/10/2019, 207A/TB-NTH-PKH ngày 15/4/2020, 297A/TB-NTH-PKH ngày 15/4/2020 và 825A/TB-NTH-PKH ngày 07/10/2021 được nộp tại hồ sơ khởi kiện là bản sao của văn bản gốc do ngân hàng phát hành. Ông K không đưa ra được chứng cứ cũng như căn cứ chứng minh các văn bản nói trên là văn bản giả, vì vậy không có cơ sở chấp nhận ý kiến này của ông K.

[3.2] Về yêu cầu bác đơn khởi kiện của nguyên đơn, nhận thấy:

Ngân hàng và ông K đều xác định: Năm 2014, giữa Ngân hàng và ông K có ký hợp đồng tín dụng số 0092/NTH/14CD/VCLI để vay số tiền là 250.000.000 đồng, thời gian vay là 60 tháng, ông K đã trực tiếp nhận số tiền 250.000.000 đồng. Căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh do một bên đưa ra và bên kia thừa nhận, vì vậy, có căn cứ xác định ông K vay của Ngân hàng 250.000.000 đồng.

Ngân hàng xác định ông K chưa trả hết nợ vay theo hợp đồng tín dụng và tính đến ngày 30/5/2023 (ngày xét xử sơ thẩm) ông K còn nợ Ngân hàng 33.582.018 đồng, trong đó: tiền gốc 18.489.263 đồng; nợ lãi trong hạn là 10.327.399 đồng; nợ lãi quá hạn: 4.765.356 đồng. Ngân hàng xác định lần trả nợ

cuối cùng của ông K là vào ngày 25/02/2019 - chứng minh cho lời trình bày này, Ngân hàng đã xuất trình bản sao kê trả nợ của Ngân hàng.

Ông K cho rằng ông đã thanh toán hết cho Ngân hàng cả gốc và lãi của khoản nợ 250.000.000 đồng mà ông đã vay năm 2014 theo hợp đồng tín dụng số 0092/NTH/14CD/VCLI, tuy nhiên, ông K không đưa ra được chứng cứ nào chứng minh ông đã trả hết số tiền này, như: biên lai thu tiền hoặc các phương thức chuyển tiền trả nợ cho Ngân hàng. Tại giai đoạn sơ thẩm và phúc thẩm, ông K đều thừa nhận ông không có chứng cứ để chứng minh việc ông đã trả hết 250.000.000 đồng.

Năm 2022, Ngân hàng đã có các buổi làm việc với ông K vào các ngày 24/5, ngày 06/6 và ngày 24/6 năm 2022 về việc ông K vi phạm nghĩa vụ trả nợ của hợp đồng tín dụng số 0092/NTH/14CD/VCLI. Trong các biên bản làm việc này đều thể hiện nội dung Ngân hàng thông báo cho ông K biết về số tiền ông còn nợ Ngân hàng và việc ông K chậm trả nợ đối với hợp đồng vay, tuy nhiên ông K đều không có ý kiến khẳng định về việc đã trả hết nợ cho Ngân hàng - Điều này mâu thuẫn với việc ông K khẳng định đã trả hết nợ trong khoảng thời gian từ tháng 02 đến tháng 4 năm 2019.

Như vậy, có cơ sở xác định ông K chưa trả hết khoản tiền vay theo hợp đồng tín dụng số 0092/NTH/14CD/VCLI đối với Ngân hàng, do đó việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông K phải thanh toán số tiền còn nợ là có căn cứ và đúng pháp luật.

Tại phiên tòa, ông K cho rằng sau tháng 2-4/2019 đến ngày 01/5/2022, ông không nhận được bất kỳ văn bản nào của Ngân hàng về việc nhắc nợ và bản thân Ngân hàng cũng không xuất trình chứng cứ về việc nhắc nợ này, xét thấy: Mặc dù Ngân hàng không xuất trình được chứng cứ về việc nhắc nợ cho ông K nhưng điều này không làm thay đổi bản chất của việc ông K còn nợ Ngân hàng chưa trả.

Đối với việc ông K cho rằng Ngân hàng gửi các văn bản nhắc nợ đến nơi làm việc mới của ông gây ảnh hưởng xấu đến ông, trường hợp này nếu có gây thiệt hại đến ông thì ông có thể khởi kiện thành một vụ kiện riêng khi có yêu cầu.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn đồng ý giảm số tiền lãi quá hạn là 4.765.356 đồng cho ông K, tuy nhiên ông K không đồng ý, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những phân tích đánh giá chứng cứ nêu trên, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn K, chấp nhận toàn bộ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Do không được chấp nhận kháng cáo nên ông K phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà ông K đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng Tòa án số 0005517 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P. Ông K đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bác toàn bộ kháng cáo của ông Nguyễn Văn K.

Giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm số 11/2023/DS-ST ngày 30/5/2023 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

Áp dụng các điều 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Khoản 2 Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP N.
2. Buộc ông Nguyễn Văn K phải trả cho Ngân hàng TMCP N số tiền là 33.582.018 đồng (*Ba mươi ba triệu, năm trăm tám mươi hai nghìn, không trăm mười tám đồng*). Trong đó: Nợ gốc là 18.489.263 đồng; nợ lãi trong hạn là 10.327.399 đồng, lãi quá hạn: 4.765.356 đồng.
3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 31/5/2023), ông Nguyễn Văn K còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 0092/NTH/14CD/VCLI ngày 11/4/2014 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Văn K phải chịu 1.679.000 đồng (*Một triệu sáu trăm bảy mươi chín nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số 0005517 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P. Ông K đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Ngân hàng TMCP N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP N số tiền 780.000 đồng (*Bảy trăm tám mươi nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số 0004552 ngày 11/10/2022 của Chi cục Thi hành dân sự thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (29/8/2023).

Nơi nhận:

- Dương sự (2);
- VKSND tỉnh Ninh Thuận (1);
- TAND Tp. P (1);
- Chi cục THADS Tp. P (1);
- Phòng KTNV&THA (1);
- Lưu hồ sơ, án văn, HC-TP (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Thị Diệu